

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Tiếng anh(4)	Cài đặt, vận hành và sử dụng các TBVP thông dụng(3)	Bảng tính điện tử(3)	Kỹ năng mềm(2)	Văn bản pháp qui(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2454802030493	Lê Ngọc Minh	Anh	10/01/2009	8.8	8.0	9.1	9.1	8.5	6.5	8.3	Giỏi
02	2454802030494	Phan Minh	Chiến	29/07/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
03	2454802030495	Nguyễn Hoàng	Duy	18/01/2009	6.6	6.2	7.8	7.9	6.1	5.7	6.8	Trung bình
04	2454802030496	Nguyễn Quốc	Đạt	11/08/2009	7.8	9.2	8.5	8.9	7.6	7.0	8.4	Giỏi
05	2454802030497	Nguyễn Gia	Hào	27/10/2009	8.2	8.2	8.5	8.9	6.7	6.6	8.0	Giỏi
06	2454802030498	Nguyễn Quốc	Hào	19/12/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
07	2454802030499	Nguyễn Huỳnh Diễm	Hằng	16/02/2009	6.8	8.1	8.4	8.6	7.6	7.2	8.1	Giỏi
08	2454802030500	Lê Kim	Hoàng	07/02/2009	8.7	8.2	8.4	8.9	8.6	7.1	8.3	Giỏi
09	2454802030501	Huỳnh Thị Thuyền	Kim	17/11/2009	8.9	2.8	8.1	8.9	3.0	6.8	5.8	Trung bình
10	2454802030502	Bùi Thị Trúc	Linh	23/05/2008	9.9	7.6	8.4	8.7	7.4	6.8	7.9	Khá
11	2454802030504	Lục Thị Hiền	Mỹ	13/06/2009	9.9	8.7	9.1	9.9	9.2	6.0	8.7	Giỏi
12	2454802030505	Đỗ Thị Kim	Ngân	25/12/2009	5.3	8.9	9.1	9.1	8.7	6.2	8.6	Giỏi
13	2454802030506	Vô Hữu	Nghĩa	11/11/2009	7.9	6.0	7.5	7.1	6.8	4.9	6.5	Trung bình
14	2454802030507	Trần Thị Kim	Ngọc	06/05/2009	9.6	9.0	9.1	9.9	8.6	6.8	8.8	Giỏi
15	2454802030508	Nguyễn Trọng	Phúc	04/10/2009	9.6	7.4	7.2	6.9	6.4	6.3	7.0	Khá
16	2454802030509	Nguyễn Trần Kim	Phượng	12/10/2009	0.0	1.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.4	Yếu
17	2454802030510	Vô Thành	Sang	06/03/2008	8.1	8.5	8.1	8.2	8.4	7.1	8.1	Giỏi
18	2454802030511	Vô Thành	Tân	30/03/2009	0.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
19	2454802030512	Nguyễn Duy	Thái	01/04/2008	0.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
20	2454802030513	Nguyễn Ngọc Phương	Thanh	27/10/2009	9.0	8.6	8.9	9.0	8.6	6.5	8.5	Giỏi
21	2454802030514	Đoàn Nhật	Thiện	05/04/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Tiếng anh(4)	Cải đặt, vận hành và sử dụng các TBVP thông dụng(3)	Bảng tính điện tử(3)	Kỹ năng mềm(2)	Văn bản pháp qui(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2454802030516	Lê Nguyễn Quốc	Thuận	13/01/2009	9.1	8.3	7.2	8.3	7.3	5.3	7.5	Khá
23	2454802030517	Võ Bảo	Thy	27/08/2009	7.6	9.1	8.4	9.2	8.2	7.3	8.6	Giỏi
24	2454802030518	Lê Phúc	Toàn	03/03/2009	6.4	7.4	7.8	7.8	6.0	5.2	7.1	Khá
25	2454802030519	Nguyễn Minh	Triết	14/08/2008	7.6	8.4	7.5	7.2	7.0	5.6	7.4	Khá
26	2454802030520	Phan Thị Mai	Trình	04/07/2009	9.0	6.2	8.7	8.4	6.7	6.7	7.4	Khá
27	2454802030521	Hà Thị Ánh	Trúc	06/09/2009	9.4	7.9	9.0	9.7	8.3	7.2	8.5	Giỏi
28	2454802030522	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	01/07/2007	7.2	7.7	8.4	8.6	7.2	6.8	7.8	Khá
29	2454802030523	Nguyễn Hoàng	Tuấn	25/01/2009	9.3	8.3	8.0	7.8	6.9	6.5	7.7	Khá
30	2454802030524	Đặng Thị Bảo	Tuyền	10/05/2009	6.2	5.3	7.1	6.9	7.2	5.4	6.3	Trung bình
31	2454802030525	Huỳnh Thị Trang	Uyên	22/02/2008	8.0	9.0	8.4	9.5	9.3	7.6	8.8	Giỏi
32	2454802030526	Đặng Thị Thúy	Vân	13/08/2009	8.2	8.1	8.2	8.6	7.0	5.8	7.7	Khá
33	2454802030527	Lê Nguyễn Đoàn	Vinh	13/05/2009	9.8	8.7	8.5	8.4	6.3	5.6	7.8	Khá
34	2454802030528	Nguyễn Quốc	Vinh	12/09/2009	7.0	8.4	8.2	7.5	6.6	6.2	7.6	Khá
35	2454802030529	Nguyễn Thị Triệu	Vy	09/10/2009	9.0	7.4	9.0	9.4	9.1	6.7	8.3	Giỏi
36	2454802030530	Võ Thị Kiều	Vy	16/02/2009	8.7	7.9	8.9	9.0	9.0	6.2	8.3	Giỏi

Lưu ý : Môn học **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 26 tháng 06 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái